

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 446/GDĐT
V/v triển khai Công văn số 126/TP
ngày 01 tháng 3 năm 2021
của Phòng Tư pháp

Cần Giờ, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Kính gửi: Các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở
trong huyện, Trường Chuyên biệt Cần Thạnh và
Trường BDGD huyện.

Căn cứ Công văn số 192/TP ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Phòng Tư pháp huyện Cần Giờ về việc phát hành tài liệu tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật lần 1 năm 2021.

Phòng Giáo dục và Đào tạo thông tin đến các đơn vị được biết để chủ động nghiên cứu, tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật đến đội ngũ công chức, viên chức trong đội ngũ (đính kèm 6 tờ gấp về các nội dung tuyên truyền)./.

Nơi nhận:

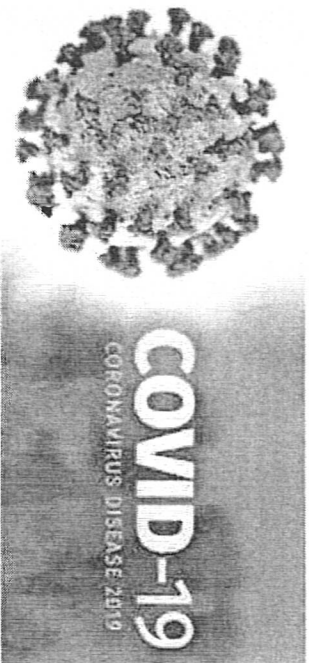
- Như trên;
- Công chức P.GDĐT;
- Lưu: VT.



Võ Thị Diễm Phượng

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHÓ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT HUYỆN CẦN GIỜ

TÌM HIỂU MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ XÉT XỬ TỘI PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19



(Theo Công văn số 45/TANDTC-PC ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quy định xét xử tội phạm liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19)

Câu 1. Hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến phòng, chống dịch Covid-19 được xác định là tội danh theo quy định của Bộ luật Hình sự?

Trả lời:

- Người đã được thông báo mắc bệnh; người nghỉ ngơi mắc bệnh hoặc trở về từ vùng có dịch bệnh Covid-19 đã được thông báo cách ly thực hiện một trong các hành vi sau đây gây lây truyền dịch bệnh Covid-19 cho người khác thì bị coi là

trường hợp thực hiện “hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người” (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 240) và bị xử lý về tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm cho người:

- + Trốn khỏi nơi cách ly.
- + Không tuân thủ quy định về cách ly.
- + Từ chối, trốn tránh việc áp dụng biện pháp cách ly, cưỡng chế cách ly.

+ Không khai báo y tế, khai báo không đầy đủ hoặc khai báo gian dối.

- Người chưa bị xác định mắc bệnh Covid-19 nhưng sống trong khu vực đã có quyết định cách ly, quyết định phong tỏa thực hiện một trong các hành vi sau đây gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng trở lên do phát sinh chi phí phòng, chống dịch bệnh thì bị xử lý về tội vi phạm quy định về an toàn ở nơi đông người (theo quy định tại Điều 295):

- + Trốn khỏi khu vực bị cách ly, khu vực bị phong tỏa.
- + Không tuân thủ quy định cách ly.
- + Từ chối, trốn tránh việc áp dụng biện pháp cách ly, cưỡng chế cách ly.

+ Không khai báo y tế, khai báo không đầy đủ hoặc khai báo gian dối.

- Chủ cơ sở kinh doanh, người quản lý cơ sở kinh doanh dịch vụ (như quán bar, vũ trường, karaoke, dịch vụ mát-xa, cơ sở thẩm mỹ...) thực hiện hoạt động kinh

doanh khi đã có quyết định tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh để phòng chống dịch bệnh Covid-19 của cơ quan, người có thẩm quyền, gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng trở lên do phát sinh chi phí phòng, chống dịch bệnh thì bị xử lý về tội vi phạm quy định về an toàn ở nơi đông người (theo quy định tại Điều 295).

- Người có hành vi đưa lên mạng máy tính, mạng viễn thông thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, thông tin xuyên tạc về tình hình dịch bệnh Covid-19, gây dư luận xấu thì bị xử lý về tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông (theo quy định tại Điều 288).

- Người có hành vi đưa trái phép thông tin cá nhân, bí mật đòi tư xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của nhân viên y tế, người tham gia phòng, chống dịch bệnh Covid-19, người mắc bệnh, người nghỉ ngơi mắc bệnh Covid-19 thì bị xử lý về tội làm nhục người khác (theo quy định tại Điều 155).

- Người có hành vi lợi dụng dịch bệnh Covid-19 đưa ra thông tin không đúng sự thật về công dụng của thuốc, vật tư y tế về phòng, chống dịch bệnh nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác thì bị xử lý về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (theo quy định tại Điều 174).

- Người có hành vi đã, đang hoặc nhằm đưa trái phép thuốc, vật tư y tế dùng vào việc phòng, chống dịch bệnh Covid-19 ra khỏi biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm thu lợi bất chính thì bị xử lý về tội buôn lậu (theo quy định tại Điều 188).

- Người có hành vi lợi dụng sự khan hiếm hoặc tạo sự khan hiếm giả tạo trong tình hình dịch bệnh Covid-19 để mua vét hàng hóa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố là mặt hàng bình ổn giá hoặc hàng hóa được Nhà nước định giá nhằm bán lại để thu lợi bất chính thì bị xử lý về tội đầu cơ (theo quy định tại Điều 196).

- Người có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 thì bị xử lý về tội chống người thi hành công vụ (theo quy định tại Điều 330).

- Người có trách nhiệm trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 nhưng không triển khai hoặc triển khai không kịp thời, không đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định gây hậu quả nghiêm trọng thì bị xử lý về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (theo quy định tại Điều 360).

Câu 2. Xác định về áp dụng hình phạt, biện pháp tư pháp đối với hành vi vi phạm

pháp luật liên quan đến phòng, chống dịch Covid-19 như thế nào?

Trả lời:

- Áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với trường hợp phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng (như làm lây lan dịch bệnh cho từ 02 người trở lên, làm chết người...).

- Áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo đúng quy định của pháp luật đối với trường hợp phạm tội chưa gây ra hậu quả hoặc gây hậu quả ít nghiêm trọng (như chưa làm lây lan dịch bệnh).

- Ngoài việc áp dụng hình phạt chính, Tòa án xem xét áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp tư pháp theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Câu 3. Tổ chức xét xử đối với vụ án liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19 như thế nào?

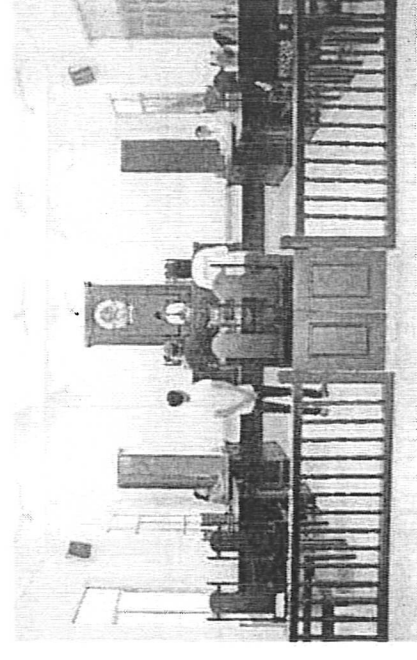
Trả lời:

- Chủ động phối hợp với Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cùng cấp để áp dụng thủ tục rút gọn đối với vụ án có đủ điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn theo quy định tại Điều 456 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đối với vụ án không đủ điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn thì đưa ra xét xử trong thời hạn không quá ½ thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trong thời gian có dịch bệnh Covid-19, phải đưa các vụ án liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19 ra xét xử nhưng bảo đảm quy định về phòng, chống dịch (như: phòng xử án bố trí tối đa không quá 10 người; trường hợp phải triệu tập người tham gia phiên tòa vượt quá số lượng này thì phải bố trí cho họ ngồi ở phòng khác và sử dụng các thiết bị điện tử (micro, loa, ti vi, camera...) để họ tham gia phiên tòa hoặc xét xử lần lượt từng bị cáo, người tham gia tố tụng; bố trí khoảng cách giữa những người tham gia phiên tòa tối thiểu là 02 mét...).

- Chỉ cho người được Tòa án triệu tập vào phòng xử án để tham dự phiên tòa.

- Trong quá trình xét xử cần có phương án tuyên truyền phù hợp (như đưa thông tin, hình ảnh, bài viết, phóng sự... về việc xét xử vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng) để bảo đảm công tác giáo dục, phòng ngừa chung.



**HỘI ĐỒNG PHỎI HỢP
PHÓ BIÊN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
HUYỆN CẦN GIỜ**

**TÌM HIỂU MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ
XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC Y TẾ**



(Theo Nghị định 117/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế)

Câu 1. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế được quy định như thế nào?

Trả lời: Theo Điều 11 của Nghị định 117/2020/NĐ-CP quy định như sau:

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không tổ chức cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế đối với trường hợp phải thực hiện việc cách ly y tế theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại điểm a mục 2 của câu hỏi này.

b) Từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm b mục 2 của câu hỏi này.

c) Không lập danh sách và theo dõi sức khỏe của những người tiếp xúc với người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không tổ chức cách ly y tế đối với người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

b) Từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng quyết định cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A đối tượng kiểm dịch y tế biên giới mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

c) Cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế tại địa điểm không đủ điều kiện thực hiện cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế theo quy định của pháp luật.

3. Biện pháp khác phục hậu quả: Buộc thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế đối với hành vi quy định tại các điểm a, b mục 1 và các điểm a, b mục 2 đã nêu trên.

Câu 2. Hành vi vi phạm quy định về áp dụng biện pháp chống dịch được quy định như thế nào?

Trả lời: Theo Điều 12 của Nghị định 117/2020/NĐ-CP quy định như sau:

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện biện pháp bảo vệ cá nhân đối với người tham gia chống dịch và người có nguy cơ mắc bệnh dịch theo hướng dẫn của cơ quan y tế.

b) Không báo cáo với Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan y tế dự phòng trên địa bàn về trường hợp mắc bệnh dịch theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Che dấu tình trạng bệnh của mình hoặc của người khác khi mắc bệnh truyền nhiễm đã được công bố là có dịch.

b) Không thực hiện hoặc từ chối thực hiện biện pháp vệ sinh, diệt trùng, tẩy uế trong vùng có dịch.

c) Không tham gia chống dịch theo quyết định huy động của Ban Chỉ đạo chống dịch.

d) Thu tiền khám và điều trị đối với trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

đ) Không thực hiện quyết định buộc tiêu hủy động vật, thực vật và vật khác là trung gian truyền bệnh, trừ các trường hợp quy định tại điểm c mục 4 và điểm d mục 5 của câu hỏi này.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng có nguy cơ làm lây truyền bệnh dịch tại vùng có dịch.

b) Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp cấm kinh doanh, sử dụng loại thực phẩm là trung gian truyền bệnh.

c) Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện quyết định kiểm tra, giám sát, xử lý y tế trước khi ra vào vùng có dịch thuộc nhóm A.

b) Dưa ra khỏi vùng có dịch thuộc nhóm A những vật phẩm, động vật, thực vật, thực phẩm và hàng hóa khác có khả năng lây truyền bệnh dịch.

c) Không thực hiện quyết định buộc tiêu hủy động vật, thực phẩm, thực vật và các vật khác là trung gian truyền bệnh thuộc nhóm A.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện yêu cầu kiểm tra và xử lý y tế đối với phương tiện vận tải trước khi ra khỏi vùng có dịch trong tình trạng khẩn cấp về dịch.

b) Không thực hiện quyết định cấm tập trung đông người tại vùng đã được ban bố tình trạng khẩn cấp về dịch.

c) Đưa người, phương tiện không có nhiệm vụ vào ổ dịch tại vùng đã được ban bố tình trạng khẩn cấp về dịch.

d) Không thực hiện quyết định buộc tiêu hủy động vật, thực phẩm, thực vật và các vật khác có nguy cơ làm lây lan bệnh dịch sang người tại vùng đã được ban bố tình trạng khẩn cấp về dịch.

6. Biện pháp khác phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện biện pháp vệ sinh, diệt trùng, tẩy uế đối với hành vi quy định tại điểm b mục 2 của câu hỏi này.

b) Buộc hoàn trả số tiền đã thu không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm d mục 2 của câu hỏi này. Trường hợp không hoàn trả được cho đối tượng thì nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

c) Buộc tiêu hủy động vật, thực phẩm, thực vật và các vật khác đối với hành vi quy định tại điểm d mục 2, điểm b, c mục 4 và điểm d mục 5 của câu hỏi này.

d) Buộc xử lý y tế phương tiện vận tải đối với hành vi quy định tại điểm a mục 5 của câu hỏi này.

Câu 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân từ xã đến cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm

hành chính trong lĩnh vực y tế được quy định như thế nào?

Trả lời: Theo Điều 103 của Nghị định 117/2020/NĐ-CP quy định như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo.

b) Phạt tiền đến 3.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về dân số; đến 5.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về y tế dự phòng, phòng, chống HIV/AIDS, bảo hiểm y tế, khám bệnh, chữa bệnh, được, mỹ phẩm và trang thiết bị y tế.

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt đối với từng lĩnh vực được quy định tại điểm b khoản này.

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c và d khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo.

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về dân số; đến 25.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về y tế dự phòng và phòng, chống HIV/AIDS; đến 37.500.000 đồng đối với vi phạm hành chính về bảo hiểm y tế; đến 50.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về khám bệnh, chữa bệnh, được, mỹ phẩm và trang thiết bị y tế.

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt đối với từng lĩnh vực được quy định tại điểm b khoản này.

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, e, h và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định 117/2020/NĐ-CP.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

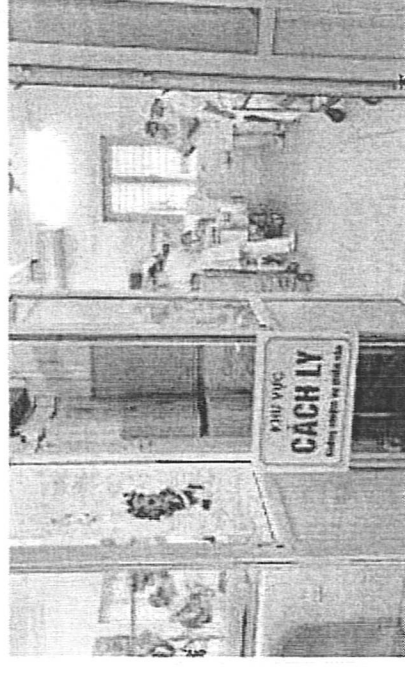
a) Phạt cảnh cáo.

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về dân số; đến 50.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về y tế dự phòng và phòng, chống HIV/AIDS; đến 75.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về bảo hiểm y tế; đến 100.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về khám bệnh, chữa bệnh, được, mỹ phẩm và trang thiết bị y tế.

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

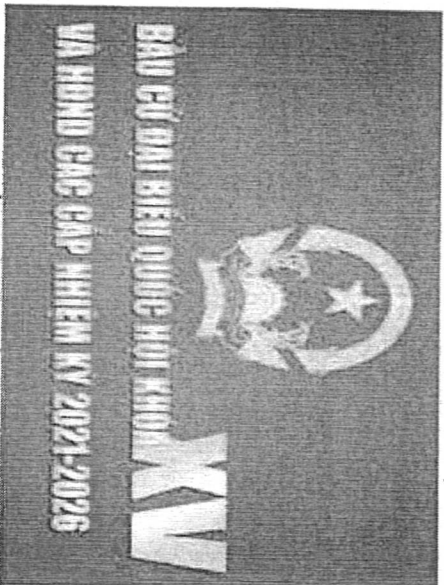
d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định 117/2020/NĐ-CP.



**HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP
PHÓ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
HUYỆN CẦN GIỜ**

**MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ
DANH SÁCH CỬ TRI**



(Theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015)

Câu 1. Việc lập danh sách cử tri phải thực hiện theo những nguyên tắc nào?

Trả lời: Điều 29 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định về nguyên tắc lập danh sách cử tri như sau:

- Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật này.

- Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

- Cử tri là người tạm trú và có thời gian đăng ký tạm trú tại địa phương chưa đủ 12 tháng, cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ở nơi tạm trú hoặc đóng quân.

- Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã xuất trình Hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam để được ghi tên vào danh sách cử tri và nhận thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (nếu xuất trình tại nơi đăng ký thường trú) hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện (nếu xuất trình tại nơi đăng ký tạm trú).

- Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Câu 2. Những trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri ?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 những trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri, bao gồm:

- Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

- Người thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ được khởi phục lại quyền bầu cử, được trả lại tự do hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không còn trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự thì được bổ sung vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri theo quy định tại Điều 29 của Luật này.

- Trong thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, những người thay đổi nơi thường trú ra ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Cử tri được quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật này, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết

thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký thường trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã hoặc được bổ sung vào danh sách, cử tri tại nơi đăng ký tạm trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Người đã có tên trong danh sách cử tri mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Ủy ban nhân dân xã xóa tên người đó trong danh sách cử tri và thu hồi thẻ cử tri.

Câu 3. Thẩm quyền lập danh sách cử tri được pháp luật quy định như thế nào? Danh sách cử tri được niêm yết ở đâu?

Trả lời: Điều 31 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định về thẩm quyền lập danh sách cử tri như sau:

- Danh sách cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã lập theo từng khu vực bỏ phiếu. Đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm lập danh sách cử tri theo từng khu vực bỏ phiếu.

- Danh sách cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân do chỉ huy đơn vị lập theo đơn vị vũ trang nhân dân để đưa vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu nơi đơn vị đóng quân. Quân nhân có hộ khẩu thường trú ở địa phương gần khu vực đóng quân có thể được chỉ huy đơn vị cấp giấy chứng nhận để được ghi tên vào danh

sách cử tri và tham gia bỏ phiếu ở nơi thường trú. Khi cấp giấy chứng nhận, chỉ huy đơn vị phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân bên cạnh tên người đó cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi cư trú”.

Về niêm yết danh sách cử tri, Điều 32 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định: Chậm nhất là 40 ngày trước ngày bầu cử, cơ quan lập danh sách cử tri niêm yết danh sách cử tri tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu, đồng thời thông báo rộng rãi danh sách cử tri và việc niêm yết để Nhân dân kiểm tra.

Câu 4. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại về danh sách cử tri được thực hiện như thế nào?

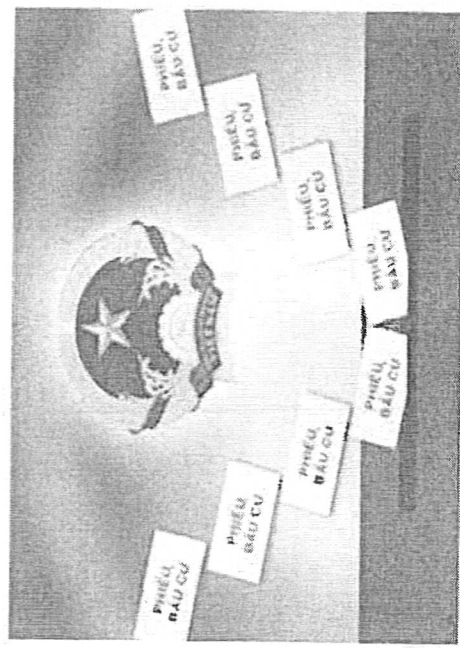
Trả lời: Theo quy định tại Điều 33 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 khi kiểm tra danh sách cử tri, nếu phát hiện có sai sót thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết, công dân có quyền khiếu nại với cơ quan lập danh sách cử tri. Cơ quan lập danh sách cử tri phải ghi vào sổ những khiếu nại đó. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, cơ quan lập danh sách cử tri phải giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết kết quả giải quyết.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý về kết quả giải quyết khiếu nại hoặc hết thời hạn giải quyết mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Câu 5. Trong trường hợp nào cử tri được bỏ phiếu ở nơi khác?

Trả lời: Điều 34 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định về bỏ phiếu ở nơi khác như sau:

Từ khi niêm yết danh sách cử tri cho đến ngày bầu cử, nếu cử tri nào vì đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì có quyền xin giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình, đã có tên trong danh sách cử tri để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu. Khi cấp giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương mình bên cạnh tên cử tri cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi khác”.



HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỎ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT HUYỆN CẦN GIỜ

MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ TẠI ĐỊA PHƯƠNG



*(Theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại
biểu Hội đồng nhân dân năm 2015)*

**Câu 1. Trong việc bầu cử đại biểu Hội
đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử ở các cấp
ở các nhiệm vụ, quyền hạn nào?**

Trả lời: theo Điều 23 Luật Bầu cử đại
biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân
dân năm 2015 quy định về nhiệm vụ, quyền
hạn Ủy ban bầu cử ở các cấp như sau:

- Chỉ đạo việc tổ chức bầu cử đại biểu
hội đồng nhân dân cấp mình ở địa phương;
kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về
bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Quản lý và phân bổ kinh phí tổ chức
bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân
ở cấp mình;

- Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên
truyền và vận động bầu cử đại biểu Hội
đồng nhân dân ở địa phương;

- Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ an
ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử
đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương;

- Ấn định và công bố số đơn vị bầu cử,
danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại
biểu được bầu của mỗi đơn vị bầu cử đại
biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình;

- Nhận và xem xét hồ sơ của những
người được tổ chức chính trị, tổ chức chính
trị - xã hội, tổ chức xã hội; đơn vị vũ trang
nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự
nghiệp, tổ chức kinh tế, thôn, tổ dân phố ở
địa phương giới thiệu ứng cử và những
người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân
cấp mình; gửi danh sách trích ngang lý lịch,
bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài
sản, thu nhập của người được giới thiệu ứng
cử và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng
nhân dân đến Ban thường trực Ủy ban Mặt
trần Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để tiến
hành hiệp thương;

- Lập và công bố danh sách chính thức
những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân
dân cấp mình theo từng đơn vị bầu cử đại
biểu Hội đồng nhân dân; xóa tên người ứng
cử trong danh sách chính thức những người
ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

- Nhận tài liệu, phiếu bầu cử đại biểu
Hội đồng nhân dân từ Ủy ban nhân dân
cùng cấp và phân phối cho các Ban bầu cử
chậm nhất là 25 ngày trước ngày bầu cử;

- Nhận và kiểm tra biên bản xác
định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân
dân cấp mình ở từng đơn vị bầu cử do các
Ban bầu cử gửi đến; lập biên bản tổng kết
cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của
cấp mình;

- Chỉ đạo việc bầu cử thêm, bầu cử lại
đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Xác nhận và công bố kết quả bầu cử
đại biểu Hội đồng nhân dân; xác nhận tư
cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng
nhân dân;

- Trình Hội đồng nhân dân khóa mới báo
cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng
nhân dân và kết quả xác nhận tư cách đại biểu
Hội đồng nhân dân cùng cấp được bầu;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với
việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Hội
đồng nhân dân của Ban bầu cử đại biểu Hội
đồng nhân dân cấp mình, Tổ bầu cử; khiếu
nại, tố cáo về bầu cử đại biểu Hội đồng
nhân dân cấp mình do Ban bầu cử, Tổ bầu
cử chuyển đến; khiếu nại, tố cáo về người
ứng cử, việc lập danh sách người ứng cử đại
biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

- Bàn giao các biên bản tổng kết và hồ
sơ, tài liệu về cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng

nhân dân cho Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp khóa mới.

Câu 2. Pháp luật quy định như thế nào về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban bầu cử?

Trả lời: Theo khoản 3 Điều 24 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn Ban bầu cử như sau:

- Kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử của các Tổ bầu cử thuộc đơn vị bầu cử;
- Kiểm tra, đôn đốc việc lập, niêm yết danh sách cử tri và việc niêm yết danh sách những người ứng cử ở các Tổ bầu cử thuộc đơn vị bầu cử;
- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc bố trí các phòng bỏ phiếu và công việc bầu cử ở các phòng bỏ phiếu;
- Nhận và phân phối tài liệu, phiếu bầu cử cho các Tổ bầu cử chậm nhất là 15 ngày trước ngày bầu cử;

- Nhận, tổng hợp và kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của các Tổ bầu cử; lập biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử của các Tổ bầu cử và khiếu nại, tố cáo về bầu cử do các Tổ bầu cử chuyển đến; nhận và chuyển đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội; nhận và

chuyển đến Ủy ban bầu cử tương ứng khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo hướng dẫn, yêu cầu của Hội đồng bầu cử quốc gia hoặc theo yêu cầu của Ủy ban bầu cử cùng cấp;

- Chuyển hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Quốc hội đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh; chuyển hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Ủy ban bầu cử cùng cấp;

- Tổ chức thực hiện việc bầu cử thêm, bầu cử lại (nếu có).

Câu 3. Pháp luật quy định như thế nào về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử?

Trả lời: Theo khoản 2 Điều 25 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử như sau:

- Phụ trách công tác bầu cử trong khu vực bỏ phiếu;

- Bố trí phòng bỏ phiếu, chuẩn bị hòm phiếu;

- Nhận tài liệu và phiếu bầu cử từ Ban bầu cử; phát thẻ cử tri, phiếu bầu cử có đóng dấu của Tổ bầu cử cho cử tri;

- Thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử;

d) Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về bầu cử và nội quy phòng bỏ phiếu;

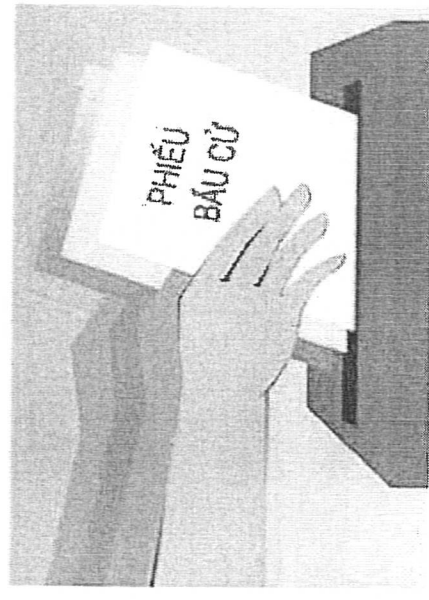
e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử quy định tại Điều này; nhận và chuyển đến Ban bầu cử tương ứng khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội; người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, khiếu nại, tố cáo khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổ bầu cử;

g) Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử để gửi đến Ban bầu cử tương ứng;

h) Chuyển biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử và toàn bộ phiếu bầu cử đến Ủy ban nhân dân cấp xã khi kết thúc việc kiểm phiếu;

i) Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo quy định của các tổ chức phụ trách bầu cử cấp trên;

k) Thực hiện việc bầu cử thêm, bầu cử lại tại khu vực bỏ phiếu (nếu có).



**HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP
PHÓ BIÊN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
HUYỆN CẦN GIỜ

**MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ
DANH SÁCH NGƯỜI ỨNG CỬ**



*(Theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại
biểu Hội đồng nhân dân năm 2015)*

**Câu 1. Đối với danh sách người ứng
cử đại biểu Quốc hội được thực hiện
như thế nào?**

Trả lời: Theo quy định tại Điều 57 Luật
Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội
đồng nhân dân được thực hiện như sau:

- Chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu
cử, Ban thường trực Ủy ban trung ương
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gửi đến Hội

đồng bầu cử quốc gia biên bản hiệp
thương lần thứ ba và danh sách những
người đủ tiêu chuẩn ứng cử được Đoàn
Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ
quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử đại biểu
Quốc hội.

- Chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu
cử, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ
quốc Việt Nam cấp tỉnh gửi đến Ủy ban bầu
cử ở tỉnh biên bản hội nghị hiệp thương lần
thứ ba và danh sách những người đủ tiêu
chuẩn ứng cử được Ủy ban Mặt trận Tổ
quốc Việt Nam cấp tỉnh giới thiệu ứng cử
đại biểu Quốc hội tại địa phương.

- Căn cứ vào danh sách những người đủ
tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội được
Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt
trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu, Hội
đồng bầu cử quốc gia gửi đến Ủy ban bầu
cử ở tỉnh danh sách và hồ sơ những người
được giới thiệu về ứng cử tại địa phương.

- Hội đồng bầu cử quốc gia lập và công
bố danh sách chính thức những người ứng
cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu
cử trong cả nước theo danh sách do Ban
thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận
Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử ở
tỉnh gửi đến chậm nhất là 25 ngày trước
ngày bầu cử.

- Danh sách chính thức những người
ứng cử đại biểu Quốc hội phải ghi rõ họ,
tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, quê

quán, nơi thường trú, dân tộc, tôn giáo,
trình độ học vấn, chuyên môn, nghề
nghiệp, chức vụ, nơi công tác của người
ứng cử. Danh sách những người ứng cử
đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử
được xếp theo vần chữ cái A, B, C...

Người ứng cử đại biểu Quốc hội chỉ
được ghi tên vào danh sách ứng cử đại
biểu Quốc hội ở một đơn vị bầu cử.

- Số người trong danh sách ứng cử đại
biểu Quốc hội ở mỗi đơn vị bầu cử phải
nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã
án định cho đơn vị bầu cử đó ít nhất là hai
người. Trong trường hợp khuyết người
ứng cử vì lý do bất khả kháng thì Hội
đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định.

- Chậm nhất là 20 ngày trước ngày bầu
cử, Ủy ban bầu cử ở tỉnh phải công bố
danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội
ở địa phương mình theo quyết định, của
Hội đồng bầu cử quốc gia.

**Câu 2. Đối với danh sách người ứng
cử đại biểu Hội đồng nhân dân được
thực hiện như thế nào?**

Trả lời: Theo quy định tại Điều 58 Luật
Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội
đồng nhân dân được thực hiện như sau:

- Chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu
cử, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ
quốc Việt Nam cấp tỉnh phải gửi biên bản
hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh

sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp; Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã phải gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp.

- Chậm nhất là 25 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban bầu cử phải lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo từng đơn vị bầu cử.

Việc lập danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 57 của Luật này.

- Số người trong danh sách ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử đó; nếu đơn vị bầu cử được bầu ba đại biểu thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là

hai người; nếu đơn vị bầu cử được bầu từ bốn đại biểu trở lên thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là ba người. Hội đồng bầu cử quốc gia hướng dẫn đối với trường hợp khuyết người ứng cử vì lý do bất khả kháng.

Câu 3. Việc niêm yết danh sách người ứng cử được thực hiện như thế nào?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 59 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như sau:

Chậm nhất là 20 ngày trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử phải niêm yết danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở khu vực bỏ phiếu.

Câu 4. Việc quy định xóa tên người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 60 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như sau:

- Người có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội đã được Hội đồng bầu cử quốc gia công bố mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị khởi tố bị can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân

sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử thì Hội đồng bầu cử quốc gia xóa tên người đó trong danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Người có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đã được Ủy ban bầu cử công bố mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị khởi tố bị can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử thì Ủy ban bầu cử, sau khi thống nhất ý kiến với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, quyết định xóa tên người đó trong danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.



**HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP
PHÓ BIÊN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
HUYỆN CẦN GIỜ**

**MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ
TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG
BẦU CỬ**



(Theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu
Hội đồng nhân dân năm 2015)

Câu 1. Người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân có được quyền vận động bầu cử không?

Trả lời: Theo Điều 63 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định về nguyên tắc vận động bầu cử như sau:

- Việc vận động bầu cử được tiến hành dân chủ, công khai, bình đẳng, đúng pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử nào thì thực hiện vận động bầu cử tại đơn vị bầu cử đó.

- Các tổ chức phụ trách bầu cử và thành viên của các tổ chức này không được vận động cho người ứng cử.

Câu 2. Về thời gian tiến hành vận động bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời: Theo Điều 64 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định người ứng cử đại biểu quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân có thể tiến hành vận động bầu cử như sau:

Thời gian vận động bầu cử được bắt đầu từ ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử và kết thúc trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ.

Câu 3. Hình thức vận động bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời: Theo Điều 65 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định việc vận động bầu cử của người ứng cử được tiến hành bằng các hình thức sau đây:

- Gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri tại hội nghị tiếp xúc cử tri ở địa phương nơi mình ứng cử theo quy định tại Điều 66 của Luật này (Hội nghị tiếp xúc cử tri);

- Thông qua phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 67 của Luật

này (Vận động bầu cử thông qua phương tiện thông tin đại chúng).

Câu 4. Hội nghị tiếp xúc cử tri được quy định như thế nào?

Trả lời: Theo Điều 66 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định việc Hội nghị tiếp xúc cử tri như sau:

a. Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân ở đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Thành phần tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri gồm đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri ở địa phương.

Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tại đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình. Thành phần tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri gồm đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri ở địa phương.

Ủy ban nhân dân nơi tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri có trách nhiệm thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị để cử tri tham dự đông đủ.

b. Chương trình hội nghị tiếp xúc cử tri gồm các nội dung sau đây:

- Tuyên bố lý do;

- Đại diện Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri chủ trì cuộc tiếp xúc cử tri, giới thiệu và đọc tiểu sử tóm tắt của người ứng cử;

- Từng người ứng cử báo cáo với cử tri về chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Cử tri nêu ý kiến, đề đạt nguyện vọng của mình với những người ứng cử. Người ứng cử và cử tri trao đổi dân chủ, thẳng thắn và cởi mở những vấn đề cùng quan tâm;

- Người chủ trì hội nghị phát biểu ý kiến kết thúc hội nghị.

c. Sau hội nghị tiếp xúc cử tri, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh lập báo cáo tình hình tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương, ý kiến của cử tri về từng người ứng cử đại biểu Quốc hội gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia và Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ban thường trực ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp lập báo cáo tình hình tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương mình gửi đến Ủy ban bầu cử cùng cấp và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp.

Câu 5. Việc vận động bầu cử thông qua phương tiện thông tin đại chúng được quy định như thế nào?

Trả lời: Theo Điều 67 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định việc vận động bầu cử thông qua phương tiện thông tin đại chúng như sau:

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương nơi mình ứng cử và trên trang thông tin điện tử về bầu cử đại biểu Quốc hội của Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và trên trang thông tin điện tử về bầu cử của Ủy ban bầu cử (nếu có).

- Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan quản lý trang thông tin điện tử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc đăng tải nội dung vận động bầu cử.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc đăng tải chương trình hành động của người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

Câu 6. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định những hành vi nào bị cấm trong vận động bầu cử?

Trả lời: Theo Điều 68 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân những hành vi bị cấm trong vận động bầu cử bao gồm:

- Lợi dụng vận động bầu cử để tuyên truyền trái với Hiến pháp và pháp luật hoặc làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền, lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân khác.

- lạm dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng phương tiện thông tin đại chúng trong vận động bầu cử.

- Lợi dụng vận động bầu cử để vận động tài trợ, quyên góp ở trong nước và nước ngoài cho tổ chức, cá nhân mình.

- Sử dụng hoặc hứa tặng, cho, ủng hộ tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất để lôi kéo, mua chuộc cử tri.

